

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2012/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT**Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động
khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 158/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2588/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

STT	Tên khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Quặng khoáng sản kim loại		
1	Quặng sắt	Tấn	60.000
2	Quặng mangan	Tấn	50.000

3	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	70.000
4	Quặng vàng	Tấn	270.000
5	Quặng đất hiếm	Tấn	60.000
6	Quặng bạch kim	Tấn	270.000
7	Quặng bạc, quặng thiếc	Tấn	270.000
8	Quặng von-phờ-ram (wolfram), Quặng ăng-ti-moan (antimoan)	Tấn	50.000
9	Quặng chì, Quặng kẽm	Tấn	270.000
10	Quặng nhôm, Quặng bô-xit (bouxite)	Tấn	50.000
11	Quặng đồng, Quặng ni-ken (niken)	Tấn	60.000
12	Quặng cromit	Tấn	60.000
13	Quặng cô-ban(coban), Quặng mô-lip-đen(molipden), Quặng thủy ngân, Quặng ma-nhê (magie), Quặng va-na-đi (vanadi)	Tấn	270.000
14	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	30.000
II	Khoáng sản không kim loại		
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	m ³	70.000
2	Đá Block	m ³	90.000
3	Quặng đá quý: Kim cương, ru-bi(rubi); Saphia(sapphire): emô-rôt (emerald), A-lếch-xan-đờ-rít(alexandrite): Ô – pan(opan) quý màu đen; A-dít; Rô-đô-lít(rodolite): Py-rốp(pyrope); Bê-rin(berin): Sờ-pi-nen(spinen); To-paz(topaz), thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam; Cờ-ri-ô-lít(cryolite); Ô-pan(opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Phen-sờ-phát(fenspat);Birusa; Nê-phờ-rit(nefrite)	Tấn	70.000
4	Sỏi, cuội, sạn	m ³	6.000
5	Đá vật liệu xây dựng dùng thông thường	Tấn	3.000
6	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp...)	Tấn	3.000
7	Cát vàng	m ³	5.000
8	Cát làm thủy tinh	m ³	7.000
9	Các loại cát khác	m ³	4.000
10	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
11	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	2.000
12	Đất làm thạch cao	m ³	3.000

13	Đất làm Cao lanh	m ³	7.000
14	Các loại đất khác	m ³	2.000
15	Gờ-ra-nít (granite)	Tấn	30.000
16	Sét chịu lửa	Tấn	30.000
17	Đô-lô-mít (dolomite), quắc-zít (quartzite)	Tấn	30.000
18	Mi-ca(mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	30.000
19	Pi-rít(pirite), phốt-pho-rít (phosphorite)	Tấn	30.000
20	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000
21	A-pa-tít (apatit), séc-păng-tin (secpentin)	Tấn	5.000
22	Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò	Tấn	10.000
23	Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên	Tấn	10.000
24	Than nâu, than mỡ	Tấn	10.000
25	Than khác	Tấn	10.000
26	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2012 và thay thế Nghị quyết số 164/2008/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XVII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2012.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Doãn Khánh